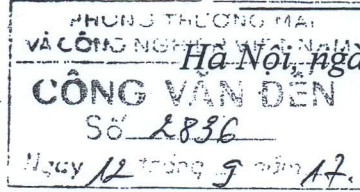


Số: **404-L** /TCT-CS  
V/v hoá đơn, chứng từ



Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 2017

Kính gửi: Công ty CP Địa ốc LK Land  
(Đ/c: Số 50, đường số 7, Phường An Phú, Q.2, TP.Hồ Chí Minh)

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 8759/VPCP-ĐMDN ngày 18/08/2017 của Văn phòng Chính phủ chuyên kiến nghị của Công ty CP Địa ốc LK Land về hoá đơn, chứng từ đối với khoản chiết khấu giảm trừ doanh thu, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Tại điểm 2.5 Phụ lục 4 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoá đơn quy định: "2.5. Hàng hoá, dịch vụ áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng thì trên hóa đơn GTGT ghi giá bán đã chiết khấu thương mại dành cho khách hàng, thuế GTGT, tổng giá thanh toán đã có thuế GTGT."

Nếu việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hoá, dịch vụ thì số tiền giảm giá, chiết khấu của hàng hoá đã bán được tính điều chỉnh trên hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán thì được lập hoá đơn điều chỉnh kèm bảng kê các số hoá đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh. Căn cứ vào hoá đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh số mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào."

Trường hợp Công ty CP Địa ốc LK Land bán hàng áp dụng hình thức chiết khấu cho khách hàng nếu việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hoá thì số tiền chiết khấu của hàng hoá lập hoá đơn, chứng từ theo quy định tại điểm 2.5 Phụ lục 4 Thông tư số 39/2014/TT-BTC nêu trên và đề nghị Công ty CP Địa ốc LK Land liên hệ với Cục Thuế TP.Hồ Chí Minh là cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn cụ thể.

Tổng cục Thuế trả lời để Công ty CP Địa ốc LK Land được biết././

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Vụ PC (BTC);
- Vụ PC (TCT);
- Cục Thuế TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, CS (2b).g

TL.TỔNG CỤC TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH



Lưu Đức Huy

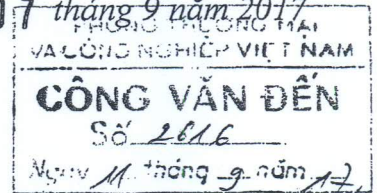
BỘ TÀI CHÍNH  
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **5904** /TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày **07** tháng **9** năm **2017**.

V/v thuế GTGT đối với hàng hóa NK



Kính gửi: Công ty TNHH 4P.  
(Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên)

Tổng cục Hải quan nhận được công văn số 8918/VPCP-ĐMDN ngày 23/08/2017 của Văn phòng Chính phủ chuyển kiến nghị của Công ty TNHH 4P về việc không tính ngược lại thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa đã xuất khẩu. Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

Vướng mắc về thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu đã được Bộ Tài chính hướng dẫn các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện tại điểm 5 công văn số 7778/BTC-TCHQ ngày 13/06/2017, cụ thể như sau: “Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12, khoản 2 Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, khoản 20 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 thì trường hợp người nộp thuế nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu đáp ứng quy định tại Điều 12, Điều 31 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP thì được miễn thuế nhập khẩu và thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng; trường hợp không đáp ứng quy định tại Điều 12, Điều 31 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP thì không được miễn thuế nhập khẩu và phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định”.

Đề nghị Công ty nghiên cứu nội dung hướng dẫn nêu trên của Bộ Tài chính để thực hiện. (Xin gửi kèm bản chụp công văn 7778/BTC-TCHQ ngày 13/06/2017 của Bộ Tài chính).

Tổng cục Hải quan trả lời để Công ty TNHH 4P được biết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, TXNK-CST (3b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Dương Thái

- HVAT  
- VP /  
Vinh

11.9.17

T. hợp  
aj

Hannong

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7778 /BTC-TCHQ

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2017

V/v hướng dẫn xử lý vướng mắc thực  
hiện Luật thuế XNK số 107/2016/QH13  
và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP

Kính gửi: Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Trong thời gian qua, Bộ Tài chính nhận được một số phản ánh vướng mắc của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố và doanh nghiệp trong việc thực hiện Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan. Để xử lý vướng mắc, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung như sau:

**1. Về áp dụng định mức miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

Căn cứ quy định tại Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, trường hợp miễn thuế đối với quà biếu, quà tặng quy định tại Điều 8, miễn thuế đối với hàng hóa không nhằm mục đích thương mại quy định tại khoản 1 Điều 27 và miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được áp dụng cho từng lần xuất khẩu, nhập khẩu.

**2. Về quản lý thuế đối với hàng hóa tái nhập để tái chế**

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 9 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP và khoản 5 Điều 47 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015, trường hợp doanh nghiệp tái nhập hàng hóa đã xuất khẩu để tái chế thì không phải nộp thuế trong thời hạn tái chế nếu doanh nghiệp đã đăng ký thời hạn tái chế với cơ quan hải quan nhưng không quá 275 ngày kể từ ngày tái nhập. Quá thời hạn tái chế đã đăng ký mà doanh nghiệp chưa tái xuất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

**3. Về xử lý thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công sau khi hết thời hạn thực hiện hợp đồng gia công**

Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, điểm e khoản 1 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, Điều 64 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 thì người nộp thuế thực hiện thủ tục hải quan xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa theo quy định tại Điều 64 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Kết quả xử lý không thuộc các trường hợp miễn thuế, không chịu thuế thì phải kê khai nộp thuế, kết quả xử lý thuộc các trường hợp miễn thuế, không chịu thuế thì được giải quyết miễn thuế,

không thu thuế theo quy định.

#### **4. Về thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất từ ngày 01/9/2016**

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 9 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, điểm c khoản 2 Điều 3 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12, khoản 1, khoản 3 Điều 6 Nghị định 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 thì hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất trong thời hạn theo quy định tại điểm đ khoản 9 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 thuộc đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt trong thời hạn tạm nhập tái xuất. Hết thời hạn tạm nhập, tái xuất mà chưa tái xuất thì phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định và khi tái xuất được hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định tại Điều 6 Nghị định 108/2015/NĐ-CP.

#### **5. Về thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu**

##### **a) Về thuế giá trị gia tăng**

Căn cứ quy định tại khoản 20 Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12, khoản 2 Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, khoản 20 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 thì trường hợp người nộp thuế nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu đáp ứng quy định tại Điều 12, Điều 31 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP thì được miễn thuế nhập khẩu và thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng; trường hợp không đáp ứng quy định tại Điều 12, Điều 31 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP thì không được miễn thuế nhập khẩu và phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định.

##### **b) Về thuế bảo vệ môi trường**

Căn cứ quy định tại Điều 9 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, Điều 2 Thông tư 159/2012/TT-BTC ngày 28/9/2012 thì nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu phải thực hiện kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường theo quy định.

#### **6. Về chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng quy định tại Điều 12, Điều 36 Nghị định 134/2016/NĐ-CP**

Căn cứ quy định tại Điều 36 Nghị định 134/2016/NĐ-CP, trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để sản xuất, kinh doanh nhưng đã xuất khẩu sản phẩm được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp nếu đáp ứng quy định tại Điều 36 Nghị định 134/2016/NĐ-CP; trường hợp không đáp ứng quy định tại Điều 36 Nghị định 134/2016/NĐ-CP thì không được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp.

Về việc khai mã loại hình đối với trường hợp nhập khẩu hàng hóa nhưng không đáp ứng quy định tại Điều 12 Nghị định 134/2016/NĐ-CP: mã A12 – Nhập kinh doanh sản xuất.

Trên đây là hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với các trường hợp vướng mắc phát sinh kể từ ngày 01/09/2016 theo quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.

Bộ Tài chính có ý kiến đề các Cục Hải quan tỉnh, thành phố được biết và thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT. Vũ Thị Mai (để b/c);
- Vụ CST, Vụ Pháp chế, Vụ HTQT, TCT (BTC);
- Lưu: VT, TCHQ (46b).

TL. BỘ TRƯỞNG  
KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN  
PHỤ TẠNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Dương Thái

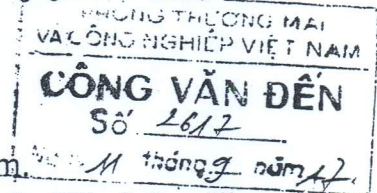
BỘ TÀI CHÍNH  
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Số: 5946/TCHQ-TXNK

V/v trả lời công văn số  
09-2017/XNKVK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2017



Kính gửi: Công ty TNHH Vikom  
(Đường B3, khu B, KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, Hưng Yên)

Tổng cục Hải quan nhận được công văn số 9065/VPCP-ĐMDN ngày 25/08/2017 của Văn phòng Chính phủ chuyển công văn số 09-2017/XNKVK ngày 18/08/2017 của Công ty TNHH Vikom về việc phạt chậm nộp thuế. Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Về chính sách thuế

Căn cứ khoản 7 Điều 16, điểm d khoản 1 Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13; căn cứ Điều 12, Điều 36 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ, từ ngày 01/09/2016 (ngày Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 có hiệu lực), trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa để sản xuất hàng xuất khẩu nhưng không trực tiếp xuất khẩu mà bán cho doanh nghiệp khác để sản xuất sản phẩm xuất khẩu thì không được miễn thuế, hoàn thuế theo quy định tại Nghị định 134/2016/NĐ-CP.

2. Về chậm nộp thuế

Căn cứ Điều 106 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 32 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/07/2013, khoản 4 Điều 5 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 và khoản 3 Điều 3 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế 106/2016/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/07/2016) thì từ ngày 01/07/2013 việc chậm nộp tiền thuế không thuộc hành vi bị xử phạt vi phạm pháp luật về thuế (Điều 103 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11) mà phải nộp tiền chậm nộp, đồng thời Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn Luật không quy định về miễn tiền chậm nộp. Vì vậy, không có cơ sở để xem xét, giải quyết đối với đề nghị miễn tiền chậm nộp của Công ty.

Theo các quy định nêu trên, việc chuyển loại hình nhập khẩu E31 (nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu) sang loại hình A12 (nhập kinh doanh sản xuất) thì phải điều chỉnh lại thời hạn nộp thuế và tính tiền chậm nộp thuế. Cách xác định tiền chậm nộp như sau:

- #VAT,  
- VP-f.  
Vch  
12.9.17  
T.kop  
M

- Về mức tính tiền chậm nộp: Căn cứ khoản 3 Điều 3 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế 106/2016/QH13 quy định mức tính chậm nộp là 0.03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp.

- Về số ngày chậm nộp thuế: Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 133 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính quy định: “Số ngày chậm nộp tiền thuế được tính từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo hoặc trong quyết định xử lý của cơ quan hải quan và văn bản xử lý về thuế của cơ quan có thẩm quyền đến ngày liền kề trước ngày người nộp thuế hoặc cơ quan, tổ chức thu tiền thuế, tổ chức bảo lãnh nộp số tiền thuế chậm nộp vào ngân sách nhà nước”

Đề nghị Công ty nghiên cứu các quy định nêu trên để thực hiện, trường hợp vướng mắc, đề nghị Công ty liên hệ với cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục để được hướng dẫn cụ thể.

Tổng cục Hải quan trả lời đề Công ty TNHH Vikom được biết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT. Vũ Thị Mai (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Cổng Thông tin điện tử Chính phủ);
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (để tổng hợp);
- PTCT. Nguyễn Dương Thái (để b/c);
- Lưu: VT, TXNK (03 bản).

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ XNK  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Ngọc Hưng**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

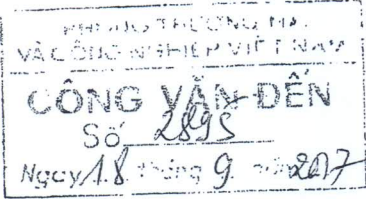
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 123/19 /BTC-TCĐN

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2017

V/v trả lời kiến nghị của bà Đỗ Thị Quỳnh – Công ty TM và XNK Viettel

- Ban HVĐT  
- VP *Đur*  
18.9  
2017



Kính gửi: Bà Đỗ Thị Quỳnh

(Địa chỉ: Công ty TM và XNK Viettel – Tòa nhà Hương Giang, số 11 Duy Tân, P. Dịch Vọng, Q.Cầu Giấy, TP Hà Nội).

T. hợp  
hợp

Bộ Tài chính nhận được công văn số 9182/VPCP-ĐMDN ngày 29/08/2017 của Văn phòng Chính phủ kèm theo kiến nghị của bà Đỗ Thị Quỳnh – Công ty Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel về việc hướng dẫn xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

**1. Về nội dung câu hỏi của bà Đỗ Thị Quỳnh**

Theo kiến nghị của bà Đỗ Thị Quỳnh thì năm 2010, Công ty Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel (Viettelimex) bán thép cho Công ty A, Viettelimex đã giao hàng và Công ty A đã nhận hàng nhưng đến nay, Công ty A vẫn chưa thanh toán tiền hàng theo hợp đồng. Tính đến thời điểm này, Viettelimex đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100% đối với khoản nợ của Công ty A. Viettelimex đã nhận được công văn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi cục thuế (theo dõi Công ty A) xác định (1) Công ty A tính đến thời điểm hiện tại chưa đăng ký thủ tục giải thể hay sáp nhập, chia tách; (2) Công ty A không còn hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa chỉ đăng ký với cơ quan thuế và còn nợ thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước. Do đó, Viettelimex xác định khoản nợ của Công ty A là khoản nợ không có khả năng thu hồi và dự kiến sẽ thành lập Hội đồng xử lý nợ và ra quyết định xóa nợ đối với khoản nợ trên theo Khoản 4 Điều 6 Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính. Vì vậy đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn việc xóa nợ cho Công ty A đã đủ cơ sở chưa? Trường hợp chưa đủ cơ sở thực hiện thì đề nghị hướng dẫn thêm thủ tục để Viettelimex có đủ căn cứ xử lý.

**2. Ý kiến của Bộ Tài chính**

Tại Khoản 4 Điều 6 Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp quy định xử lý tài chính đối với khoản nợ không có khả năng thu hồi: “a) Nợ phải thu không có khả năng thu hồi bao gồm các khoản nợ sau:

- Đối với tổ chức kinh tế như sau: “+ Khách nợ đã giải thể, phá sản: Quyết định của Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo Luật phá sản hoặc



quyết định của người có thẩm quyền về giải thể đối với doanh nghiệp nợ, trường hợp tự giải thể thì có thông báo của đơn vị hoặc xác nhận của cơ quan quyết định thành lập đơn vị, tổ chức.

+ Khách nợ đã ngừng hoạt động và không có khả năng chi trả: Xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức đăng ký kinh doanh về việc doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động không có khả năng thanh toán.....

b) Xử lý tài chính:

Tồn thất thực tế của từng khoản nợ không thu hồi được là khoản chênh lệch giữa nợ phải thu ghi trên sổ sách kế toán và số tiền đã thu hồi được...

Giá trị tồn thất thực tế của khoản nợ không có khả năng thu hồi, doanh nghiệp sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính (nếu có) để bù đắp, phân chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản nợ phải thu sau khi đã có quyết định xử lý, doanh nghiệp vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và được phản ánh ở ngoài bảng cân đối kế toán trong thời hạn tối thiểu là 10 năm, tối đa là 15 năm kể từ ngày thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ đi các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ, doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập khác”.

Theo quy định nêu trên thì khoản nợ không có khả năng thu hồi được xử lý khi khách nợ là tổ chức đã ngừng hoạt động và không có khả năng chi trả phải được cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh xác nhận là tổ chức đã ngừng hoạt động không có khả năng thanh toán. Tuy nhiên, theo thông tin tại nội dung câu hỏi của bà Đỗ Thị Quỳnh thì Công ty A không còn hoạt động sản xuất, kinh doanh tại địa bàn nhưng chưa nêu Công ty A đã được xác nhận của tổ chức đăng ký kinh doanh xác nhận khách nợ đã ngừng hoạt động không có khả năng thanh toán. Vì vậy, khoản nợ phải thu khó đòi của Công ty Viettelimex đối với khoản tiền bán thép cho Công ty A chưa đủ điều kiện để xử lý tài chính mà vẫn tiếp tục theo dõi, đôn đốc thu hồi khoản nợ này theo quy định đối với các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Bộ Tài chính xin trả lời đề bà Đỗ Thị Quỳnh được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để công khai thông tin);
- Phòng Thương mại và CN VN;
- Lưu : VT, TCDN (7b).

TL.BỘ TRƯỞNG  
KT. CỤC TRƯỞNG  
CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Đặng Quyết Tiên

BỘ TÀI CHÍNH  
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4389/TCT-KK

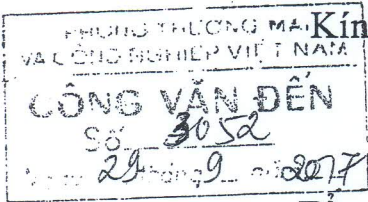
Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2017

V/v trả lời vướng mắc của Doanh nghiệp kèm công văn số 8714/VPCP-ĐMDN ngày 17/08/2017 của Văn phòng Chính phủ

Kính gửi:

Công ty TNHH Change Interaction

(Đ/c; 36 Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh)



Tổng cục Thuế nhận được công văn số 8714/VPCP-ĐMDN ngày 17/8/2017 của Văn phòng Chính phủ liên quan đến kiến nghị của Công ty TNHH Change Interaction về việc hướng dẫn kê khai thuế cho số hóa đơn bị hủy trong thời gian mã số thuế bị khóa cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Change Interaction
- MST: 0311782776
- Điện thoại: 0985951641
- Đ/c: 36 Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

- Vướng mắc của Công ty: Tháng 11/2016 bên Doanh nghiệp có nhận được hóa đơn mua vào từ bên nhà cung cấp (NCC) và Doanh nghiệp cũng đã thanh toán và kê khai thuế hóa đơn này trong quý 4/2016. Tuy nhiên, đến 07/2017 Doanh nghiệp có nhận thông báo từ bên NCC là phải hủy các hóa đơn đã xuất trước đó vì thời điểm đó bên họ đang chuyển địa điểm và mã số thuế bị khóa nên số hóa đơn đã đăng ký với thuế phải hủy toàn bộ. Và xuất thay thế bằng một hóa đơn khác số tiền không thay đổi. Vậy cho Doanh nghiệp hỏi: Tờ khai thuế GTGT quý 4/2016 có phải kê khai lại hay không? hay điều chỉnh thế nào xin được hướng dẫn.

Về nội dung vướng mắc này, sau khi báo cáo và được sự đồng ý của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ Khoản 8, Điều 3 Nghị định 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về sử dụng hóa đơn bất hợp pháp.

Khoản 3 Điều 20; Điều 22 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về điều chỉnh hóa đơn và sử dụng hóa đơn bất hợp pháp.

Khoản 1 Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

- HVT

- VP

Vch

29-9-17

T.kp

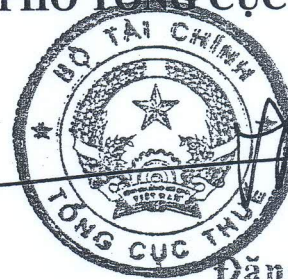
Trường hợp Công ty TNHH Change Interaction sử dụng hóa đơn đã hết giá trị sử dụng để kê khai khấu trừ thuế GTGT tại kỳ tính thuế Quý 4/2016 là chưa đúng quy định, những hóa đơn này không đủ điều kiện để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Vì vậy, Công ty thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đã khấu trừ của các hóa đơn hết giá trị sử dụng trên tờ khai kỳ tính thuế Quý 4/2016. Đối với các hóa đơn đầu vào thay thế thì Công ty TNHH Change Interaction thực hiện kê khai khấu trừ thuế GTGT vào kỳ tính thuế phát sinh hóa đơn điều chỉnh.

Tổng cục Thuế trả lời đề đơn vị biết và liên hệ với cơ quan thuế quản lý để được hướng dẫn thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để công khai trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ);
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);
- Cục Thuế TP.Hà Nội;
- Vụ CST, PC (BTC);
- Vụ CS, PC (TCT);
- Lưu: VT, KK. 10

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Đặng Ngọc Minh**

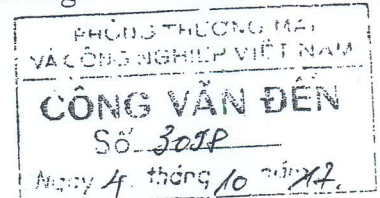
**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43060/BTC-TCĐN

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2017

V/v hủy bỏ kết quả chào bán chứng khoán  
ra công chúng của ALCI



ĐẾN: ...

Kính gửi: Công ty Cho thuê Tài chính I (ALCI)

**HỒ TÀI CHÍNH**

- HVĐT  
- VP...  
V. K.

Trả lời công văn số 284/ALCI-KHTH ngày 7/7/2017 của ALCI về việc đề nghị hướng dẫn thực hiện các thủ tục hủy bỏ các đợt chào bán chứng khoán khi cổ phần hóa ALCI, sau khi nghiên cứu, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

4.10.17

T. K.

1 - Theo quy định của pháp luật về chứng khoán, việc chào bán cổ phiếu ra công chúng của doanh nghiệp nhà nước (DNNN) cổ phần hóa không phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và được thực hiện theo pháp luật về cổ phần hóa DNNN, cụ thể:

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Chứng khoán: trường hợp chào bán cổ phiếu ra công chúng của DNNN chuyển đổi thành công ty cổ phần không phải đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng (với UBCKNN);

- Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 14/2007/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 19/01/2007 đến ngày 14/9/2012) và Điều 22 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 15/9/2012 đến nay) quy định: đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần kết hợp chào bán cổ phiếu ra công chúng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về việc chuyển DNNN thành công ty cổ phần;

+ Ngoài ra, các quy định liên quan đến việc phân phối chứng khoán, đình chỉ chào bán chứng khoán ra công chúng và hủy bỏ chào bán ra công chúng (Điều 21, Điều 22, Điều 23 Luật Chứng khoán) quy định và điều chỉnh đối với các trường hợp đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng với UBCKNN (không bao gồm các trường hợp chào bán cổ phiếu của DNNN cổ phần hóa theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa).

**2 - Về việc bán cổ phần của ALCI:**

Theo báo cáo của ALCI thì công ty đã thực hiện bán đấu giá cổ phần 02 lần nhưng không bán hết được số cổ phần chào bán và trường hợp này đã có quy định tại Điều 43 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về chuyển DN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, cụ thể như sau:

**“Điều 43. Xử lý số lượng cổ phần không bán hết**

1. Nếu số lượng cổ phần không bán hết còn lại dưới 50% số lượng cổ phần chào bán (trừ số lượng cổ phần được bảo lãnh phát hành) thì điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ (tăng phần vốn nhà nước góp tại doanh nghiệp) để chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần.

2. Nếu còn lại từ 50% số lượng cổ phần chào bán trở lên (trừ số lượng cổ phần được bảo lãnh phát hành) thì cơ quan quyết định cổ phần hóa xem xét, điều chỉnh giảm giá khởi điểm (tối đa bằng mệnh giá cổ phần) và tổ chức đấu giá bán tiếp số cổ phần còn lại.

3. Trường hợp đã điều chỉnh giảm giá khởi điểm bằng mệnh giá cổ phần mà không có nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá hoặc không bán hết được số cổ phần còn lại thì cơ quan quyết định cổ phần hóa xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này.”

Theo quy định trên thì sau khi bán đấu giá lần 2 mà không bán hết số cổ phần chào bán của ALCI thì cơ quan quyết định cổ phần hóa điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ để tiếp tục chuyển thành công ty cổ phần. Như vậy, ALCI vẫn đủ điều kiện hoàn tất cổ phần hóa và chuyển thành công ty cổ phần kể cả trong trường hợp không bán hết cổ phần nêu trên theo quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP. Do đó, đề nghị ALCI báo cáo Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hóa rà soát, chỉ đạo thực hiện, đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư đã tham gia đấu giá cổ phần ALCI.

Đề nghị ALCI nghiên cứu, thực hiện./.

Nơi nhận : *MW*

- Như trên;
- CTy Luật TNHH Trí Minh;
- VPCP (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCDN (7).

TL. BỘ TRƯỞNG  
KT. CỤC TRƯỞNG  
CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Hoàng Văn Thu